



ĐÀO NGUYỄN PHỔ (1861 - 1908), MỘT TRƯỞNG HỢP TIÊU BIỂU CỦA SỰ HỘI NHẬP VĂN HOÁ TÍCH CỰC

GS Đinh Xuân Lâm*

1. Đào Nguyễn Phổ sinh năm Tân Dậu (1861), đúng 4 năm sau khi hạm đội Pháp do Phó Đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy nổ súng tấn công cửa biển Đà Nẵng ở miền Trung, phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam (1858). Ông lớn lên tại một làng quê – làng Thượng Phán, tổng Đông Trục, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình (nay là xã Quỳnh Hoàng, huyện Quỳnh Phụ), rồi học với cha tại nhà, và ngay khoa thi năm Bính Tý (1877) đã đỗ Cử nhân, lúc mới 17 tuổi.

Thời kỳ Đào Nguyễn Phổ sinh ra, lớn lên, đi học và thành đạt là một thời cực kỳ rối loạn của lịch sử Việt Nam, được đánh dấu bởi nhiều sự kiện tiêu biểu: Năm 1862, trước áp lực quân sự của thực dân Pháp, triều đình Huế phải ký Hiệp ước ngày 5 – 6 – 1862 cắt ba tỉnh Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hoà) cho Pháp, tạo điều kiện cho chúng tới giữa năm 1867 đánh chiếm luôn ba tỉnh Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên), nuốt gọn toàn bộ Nam Kỳ lục tỉnh, để rồi 10 năm sau trên đà thắng thế lại ngang ngược kéo quân ra đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất (1873).

Trong khi tình hình đối ngoại cực kỳ căng thẳng, thì tình hình đối nội cũng không kém phần khó khăn. Năm 1866, một cuộc khởi nghĩa lớn của binh lính và thợ thuyền tập trung để xây dựng Khiêm Lăng đã bùng nổ ngay tại kinh thành Huế để phản đối chính sách cắt đất cầu hoà của vua Tự Đức. Nghĩa quân dưới sự chỉ huy của một số quan lại, văn thân, sỹ phu như Đoàn Hữu Trưng, Đoàn Tư Trục, Trương Trọng Hoà, trong số đó có cả người dòng họ nhà vua như Tôn Thất Cúc, đã kéo về đột nhập Hoàng thành định bắt vua Tự Đức nhường ngôi cho một

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ông vua khác cũng thuộc dòng họ Nguyễn, nhưng có tinh thần chống Pháp. Cuộc khởi nghĩa ở Huế – nhân dân quen gọi là khởi nghĩa Chày Vôi vì vũ khí của nghĩa quân chỉ là những chiếc chày gỗ dùng để giã vôi tại công trường xây lăng – bị triều đình trấn áp dữ dội nên nhanh chóng bị dập tắt trong biển máu. Nhưng sự kiện này đã đánh dấu sự suy đốn cùng cực của triều Nguyễn, sự phân hoá kịch liệt ngay trong hàng ngũ đại phong kiến, đồng thời cũng cho thấy sự phẫn nộ cao độ của các tầng lớp nhân dân đối với giai cấp phong kiến thống trị.

Bối cảnh lịch sử trong và ngoài đó là hoàn cảnh cho một trí thức Nho học truyền thống có điều kiện phát huy lòng yêu nước thương dân trên cơ sở tinh thần chống xâm lược của dân tộc. Việc Đào Nguyễn Phổ thi đậu Cử nhân năm 1877 là bước ngoặt thứ nhất trong cuộc đời ông. Sau khi thi đỗ, ông không đi ngay vào con đường làm quan, mà ra dạy học một thời gian khá dài đến 5 năm (1878 – 1883) ở Duyên Hà (Thái Bình) và Phù Cừ (Hưng Yên) để tới năm 1884 mới chính thức nhận một chức học quan (Giáo thụ) ở huyện Tam Nông (Hưng Hoá, tức vùng Phú Thọ ngày nay).

Năm 1884, Đào Nguyễn Phổ bắt đầu ra làm quan là một năm đáng ghi nhớ. Trước đó một năm, thành Hà Nội đã bị mất lần thứ hai vào tay giặc Pháp và triều đình Huế phải ký hai hiệp ước Quý Mùi (25 – 8 – 1883) và Giáp Thân (6 – 6 – 1884) đánh dấu sự đầu hàng của giai cấp phong kiến Việt Nam trước sức tấn công hung bạo của chủ nghĩa tư bản Pháp đang trong thời kỳ tiến lên chủ nghĩa đế quốc. Tiếp liền sau đó là việc Pháp đánh chiếm kinh thành Huế (đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 tháng 7 năm 1885), rồi vua Hàm Nghi xuống Chiếu Cần Vương (13 – 7 – 1885) phát động một cao trào yêu nước chống Pháp trong nhân dân – trong đó có sự tham gia tích cực của giới văn thân sỹ phu – là những trí thức dân tộc thời đó.

Tất cả các sự kiện dồn dập đó không khỏi tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến Đào Nguyễn Phổ – một nhà nho truyền thống có ý thức rõ rệt về trách nhiệm của mình trong con nguy khốn của đất nước.

Dạy học một thời gian, ông được cử làm Tri huyện Võ Giàng (Bắc Ninh), nhưng chỉ một thời gian ngắn đã bị bãi chức (1891) vì để mất trộm tiền thuế của huyện.

Việc Đào Nguyễn Phổ bị bãi chức năm 1891 đã chấm dứt thời kỳ học tập thành đạt, rồi tiến thân trên con đường cử nghiệp và quan trường truyền thống, để bước vào một thời kỳ mới. Chỉ một thời gian không lâu sau khi bị bãi chức, ông đã về quê (1894), rồi lại tiếp tục đi dạy học ở Nam Định, vì vậy đã có điều kiện giao du với nhiều thân sỹ, văn thân, sỹ phu các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nội, Thanh Hoá. Kết bạn tâm giao với một số người như Nguyễn Hữu Cương (Cả Cương) là con nhà văn thân yêu nước Nguyễn Mậu Kiến đất Thái Bình, người mà năm 1873 đã xung phong tập hợp các thanh niên yêu nước của quê hương, rồi vượt sông kéo sang tham gia đánh giặc

Pháp khi chúng nổ súng chiếm thành Nam Định và xâm phạm quê hương Thái Bình.

Chính thời kỳ này Đào Nguyên Phổ đã kết bạn tâm giao với Nguyễn Thượng Hiền, đậu Hoàng giáp, làm việc ở Quốc sử quán (Huế), sau giữ chức Đốc học Ninh Bình, rồi Nam Định. Trong thời gian làm quan ở Huế, Nguyễn Thượng Hiền đã đọc nhiều Tân thư của Trung Quốc, vì vậy đã tiếp thu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản, duy tân cải cách. Sau đó, lại được gặp các nhà yêu nước tiến bộ như Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh nên ông có cảm tình với phong trào yêu nước chống Pháp và tích cực ủng hộ phong trào Đông du đưa học sinh sang Nhật Bản cầu học. Năm 1908, Nguyễn Thượng Hiền bỏ quan, xuất dương sang Trung Quốc, Nhật Bản, cùng Phan Bội Châu hoạt động.

Nguyễn Thượng Hiền đã khuyên ông vào Huế theo học trường Quốc tử giám, trường này tuy là một nhà trường chính quy của triều đình, nhưng đã chịu ảnh hưởng tư tưởng mới, bản thân như vị Tế tửu (Hiệu trưởng) nổi tiếng có nhiều sách Tân thư, điều đó không khỏi tác động đến các học sinh nhà trường. Đây là một dịp may để Đào Nguyên Phổ đọc các Tân thư, Tân văn của thư viện nhà vị Tế tửu, ông này đã mến vì tài, yêu vì chí của người học trò xuất sắc nên gả con gái cho học trò của mình.

Trong điều kiện học tập thuận lợi đó, kết hợp với tài năng và ý chí có sẵn, khoa Mậu Tuất (1898) ông đã đỗ đầu kỳ thi Đình (Hoàng giáp). Rồi được bổ dụng làm quan tại triều, sung chức Hàn lâm thừa chỉ chuyên soạn thảo các đạo dụ và chiếu chỉ của nhà vua. Thời gian này ông đã kết giao với một số sỹ phu yêu nước có tư tưởng đổi mới như Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng..., nhờ vậy nhân quan chính trị được mở rộng, nhận thức chính trị phát triển theo xu hướng tiến bộ một cách mạnh mẽ, dứt khoát hơn.

Thêm vào đó, cũng vào thời kỳ này một điều kiện mới đã tới với Đào Nguyên Phổ. Đó là việc thực dân Pháp chủ trương mở rộng nền giáo dục Pháp – Việt, đề cao việc dùng tiếng Pháp trong nhà trường và ngoài xã hội để phục vụ đắc lực cho công cuộc khai thác bóc lột thuộc địa trên quy mô lớn – đây là thời kỳ khai thác thuộc địa lần thứ nhất từ năm 1897. Đào Nguyên Phổ được chọn vào học theo lối mới tại Pháp tự Quốc gia học đường ở Huế (1898) với chuyên ngữ tiếng Pháp, chỉ một thời gian sau ông đã có thể sử dụng tiếng Pháp, tạo một điều kiện rất cơ bản để có thể làm quen với tư tưởng dân chủ của Cách mạng tư sản Pháp, cũng như nhận thức về bước tiến hoá xã hội sâu sắc hơn. Như trên đã nói, có thể khẳng định việc Đào Nguyên Phổ bị bãi chức về quê năm 1891, rồi sang Nam Định dạy học đã tạo nên bước ngoặt thứ hai vô cùng quan trọng trong cuộc đời ông, mở ra cho ông nhiều triển vọng mới.

Sau khi tốt nghiệp Pháp tự Quốc gia học đường, Đào Nguyên Phổ cũng chỉ làm quan được hơn một năm (1901 – 1902) – tư tưởng một khi đã đổi mới thì làm

sao ông có thể cam chịu thân phận một công chức – dù cho một công chức cao cấp – “sáng vác ô đi, tối vác về” trong một cơ quan do chính kẻ thù của dân tộc mở ra để phục vụ chúng. Ông đã nộp đơn xin từ chức để trở ra Hà Nội, và đây là bước ngoặt thứ ba trong cuộc đời ông.

Hà Nội lúc này đã trở thành thủ phủ của Liên bang Đông Dương, trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội của toàn xứ thuộc địa, là nơi đang diễn ra nhiều biến chuyển trên bề mặt cũng như dưới chiều sâu trong đời sống xã hội thuộc địa, và vì vậy có sức hấp dẫn mạnh mẽ những người có tinh thần dân tộc sâu sắc, có lòng yêu nước nồng nàn, nuôi nhiều khát vọng cho tương lai của đất nước như Đào Nguyễn Phổ. Tại Hà Nội, Đào Nguyễn Phổ đã dứt khoát chọn một nghề hoàn toàn mới trong đời sống văn hoá – xã hội Việt Nam lúc đó. Ông đã làm chủ bút *Đại Nam đông văn nhật báo*, tờ báo đầu tiên viết bằng chữ Hán xuất hiện ở Hà Nội, một tờ “quan báo” dưới sự chỉ đạo của Nha Kinh lược Bắc Kỳ. Trong công việc mới mẻ này ông đã cộng tác với một người Pháp vốn là chủ nhà in tên là Schneider, ông này đứng làm chủ nhiệm (1903), còn Đào Nguyễn Phổ làm chủ bút¹. Hai năm sau ông lại cộng tác với một người Pháp khác là Babut (Ernest) lập ra tờ *Đại Việt tân báo*. Đây là tờ báo tư nhân đầu tiên ở Hà Nội có trụ sở tại số 90 phố Hàng Mã, đồng thời cũng là tờ báo đầu tiên ở Hà Nội ngoài phần chữ Hán còn có phần chữ quốc ngữ, được đông đảo bạn đọc người Việt Nam hoan nghênh tìm đọc, cả đến viên chức trong bộ máy chính quyền bảo hộ và binh lính trong quân đội nguy, những người biết chữ quốc ngữ tìm đọc, tạo nên một hiện tượng mới trong xã hội đương thời.

Rõ ràng là với những chuyển biến về tư tưởng có tính tiến bộ, lại trong bối cảnh xã hội Việt Nam đổi mới, việc Đào Nguyễn Phổ tham gia việc thành lập Trường Đông Kinh nghĩa thực vào đầu năm 1907 là một việc tự nhiên mang tính tất yếu. Đông Kinh nghĩa thực – như chúng ta đều biết – là một trường học theo lối mới, được thành lập tại Hà Nội (3 – 1907) theo mô hình phương Tây, như Khánh Ưng nghĩa thực của Nhật Bản. Năm 1906 các nhà yêu nước Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh sau khi tham quan Khánh Ưng nghĩa thực tại Tokyo (Nhật Bản), lúc về nước trong một cuộc họp tại làng Nội Duệ (Bắc Ninh) vào cuối năm đó đã quyết định sẽ thành lập Đông Kinh nghĩa thực tại Hà Nội.

Đông Kinh nghĩa thực ra đời tháng 3 năm 1907 tại số 4 phố Hàng Đào (Hà Nội) đã tập hợp được đông đảo các sỹ phu yêu nước với mục đích được xác định cụ thể:

- Nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc và chí tiến thủ cho quần chúng.
- Truyền bá một nền tư tưởng học thuật mới và một nếp sống văn minh tiến bộ.
- Phối hợp hành động với các sỹ phu đã xuất dương và hỗ trợ cho phong trào Đông du của Phan Bội Châu và phong trào Duy tân đang phát triển trong cả nước.

Đào Nguyên Phổ ngay từ đầu đã hoan nghênh chủ trương thành lập Đông Kinh nghĩa thực, mục đích nhà trường hoàn toàn phù hợp với chí hướng của ông nên ông hăng hái tham gia thành lập trường và tích cực hoạt động cho nhà trường. Ông ở trong Tiểu ban Giáo dục, trực tiếp giảng dạy ban Hán văn, và Tiểu ban Trước tác, viết ít nhất 3 cuốn sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường². Trong thời kỳ phát triển sôi nổi của Đông Kinh nghĩa thực, ảnh hưởng của trường đã mở rộng ra nhiều địa phương, trong số đó có quê hương Thái Bình của Đào Nguyên Phổ. Các huyện Kiến Xương, Đông Hưng, Hưng Hà, Quỳnh Phụ đều có các nghĩa thực hoạt động, tình hình đó dứt khoát phải có ảnh hưởng và vai trò của Đào Nguyên Phổ.

Nhưng rồi chính quyền thực dân Pháp đã sớm nhận rõ tính chất yêu nước cách mạng của Đông Kinh nghĩa thực, hoàn toàn đây không phải chỉ đơn thuần là một trường học. Thực chất, nó đóng vai trò một tổ chức cách mạng của các sỹ phu yêu nước tiến bộ để hưởng ứng cuộc vận động cứu nước do Phan Bội Châu phát động. Đông Kinh nghĩa thực đã nuôi dưỡng được một phong trào cách mạng công khai, hợp pháp khá sôi nổi, quyết liệt trên mặt trận đấu tranh văn hoá và tư tưởng theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Đó cũng là một cuộc vận động chính trị chuẩn bị về tinh thần và tư tưởng cho sự nghiệp đấu tranh Cách mạng dân tộc dân chủ trong thời đại mới.

Với phạm vi hoạt động ngày càng lan rộng, ảnh hưởng trong nhân dân ngày càng lớn, Đông Kinh nghĩa thực trong thực tế đã trở thành một nguy cơ lớn cho thực dân Pháp ở Việt Nam, trở thành “một cái lò phiền loạn ở Bắc Kỳ”, như phiên hợp của Hội đồng quân sự Đông Dương nhận định. Tháng 12 – 1907, thực dân Pháp chính thức rút giấy phép, đóng cửa trường, các sách vở và tài liệu của nhà trường đều bị tịch thu. Đông Kinh nghĩa thực chỉ hoạt động được gần 9 tháng (từ tháng 3 đến tháng 11 – 1907). Nhưng phong trào yêu nước cách mạng vẫn ấp ủ trong nhân dân, để đến đêm 27 tháng 6 năm 1908, sau nhiều lần trì hoãn, vụ đầu độc binh lính Pháp đóng trong thành Hà Nội được tiến hành, có sự phối hợp với nghĩa quân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám phái về.

Nhưng kế hoạch hành động của những người yêu nước nhanh chóng bị lộ, thực dân Pháp đã kịp thời đối phó, đẩy mạnh cuộc điều tra, khủng bố, nhiều người cầm đầu đã bị bắt và kết án nặng, từ tù chung thân đến tử hình vắng mặt, nhiều người bị án chém.

Nhân dịp này, thực dân Pháp đẩy mạnh việc lùng sục, bắt bớ những người đã hoạt động trong Đông Kinh nghĩa thực, trong số đó có Đào Nguyên Phổ, may lúc đó ông không có nhà nên đã thoát nạn. Nhưng cũng từ đây thực dân Pháp lùng sục ông ráo riết, đối với chúng, ông là một đối thủ lợi hại cần thanh trừng gấp. Trước tình hình nguy cấp đó, để tránh liên lụy cho gia đình người bạn thân đã nuôi giấu ông, và để không rơi vào tay giặc, ông đã chọn cho mình cái chết tại

phố Hàng Than (ngày 26 – 6 – 1908, tức ngày 24 – 5 năm Mậu Thân) ở tuổi 49, nêu cao tấm gương nghĩa liệt vì dân vì nước. Sau khi ông mất, gia đình và bạn bè bí mật đưa ông về mai táng ở quê hương Thái Bình trong sự cảm phục và lòng tiếc thương vô hạn của bạn bè, đồng bào, đồng chí.

CHÚ THÍCH

- ¹ *Đại Nam đồng văn nhật báo* sau chuyển thành *Đăng cổ tùng báo* cũng có phần chữ Hán do Đào Nguyễn Phổ làm chủ bút, còn phần chữ quốc ngữ do Nguyễn Văn Vĩnh phụ trách.
- ² Trong số các sách do Đào Nguyễn Phổ viết, có một số cuốn không đứng tên tác giả. Chỉ có vài cuốn có tên tác giả, như *Tây Sơn thủy mật khẩu*.